II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2.

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I	**Xã Lát:**	
	*** Khu vực I:**	
1	Đường 19 tháng 5: Từ giáp ranh thị trấn Lạc Dương đến ngã 3 Trường tiểu học.	640
2	Đoạn từ ngã ba Trường tiểu học đi Liêng Ột (đến 500m).	410
3	Đoạn từ ngã ba Trường học đi Đăng K'Lách (đến 500m).	416
4	Đoạn còn lại của hai nhánh trên đến hết đường bê tông nhựa.	300
	*** Khu vực II:**	
1	Đường giáp ranh thị trấn Lạc Dương đến trục đường liên thôn Đăng Gia Rít B, C.	510
2	Đất ở dọc hai bên đường liên thôn Đăng Gia Rít B, C.	400
3	Đường Đăng Gia Rít B đoạn từ ngã 3 (đất nhà ông Tú) đến hết đường.	280
4	Điểm đầu giáp đường Suối Vàng-TP.Đà Lạt đến cổng Nhà máy nước ĐanKia.	277
5	Từ cổng Nhà máy nước ĐanKia đến đầu thôn Lán Tranh.	
	- Đoạn đã trải nhựa	165
	- Đoạn chưa trải nhựa	100
6	Đất dân cư dọc hai bên đường giao thông ĐT 722 từ đầu thôn Lán Tranh đến cuối thôn Lán Tranh.	174
7	Từ cuối thôn Lán Tranh đến giáp ranh xã Đưng K'Nơh.	65
8	Đường liên thôn trục chính thôn B'Nơ B (nhánh đi Nhà thờ).	245
6	Đất ở dọc hai bên đường liên thôn Păng Tiêng-Đạ nghịt (Trục chính).	
	- Đoạn đường đã trải nhựa	210
	- Đoạn còn lại (chưa trải nhựa)	174
9	Các đường nhánh tiếp giáp hai bên đường liên thôn Đạ Nghịt - Păng Tiêng.	
	- Các nhánh của đoạn đã trải nhựa.	120
	- Các nhánh của đoạn chưa trải nhựa.	104
10	Nhánh 1: Đường liên thôn trục chính K'Long A (từ đường nhựa).	
	- Điểm đầu từ đường nhựa đến hết đất Nhà thờ.	290

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	- Đoạn từ cuối đất Nhà thờ đến hết đường.	208
11	Nhánh 2: Đường đi thôn Liêng Ột:	
	- Từ đầu đường nhựa đến hết đất nhà ông Cil Blong;	180
	- Từ cuối đất nhà ông Cil Blong đến hết đường (đường xuống hồ);	150
	- Nhánh trái đến hết đất nhà ông Cil Póh (hết đường);	150
12	Nhánh 3: Đường vòng đi thôn Đăng K'Lách (đường đất)	
	- Điểm đầu giáp đường nhựa đến 200m (tính cả 2 đầu đường);	167
	- Đoạn còn lại: Từ trên 200m đến hết đường;	139
13	Nhánh 4: Đầu thôn Đan Kia rẽ trái	
	- Từ đường nhựa đến ngã ba (đất hộ ông Kra Jăn Ry).	167
	- Đoạn đường 2 nhánh còn lại từ đất hộ ông Ry đến hết đất của hai hộ ông Nghèo, hộ ông Nui.	139
14	Nhánh 5: Nhánh vào thôn B'Nơ B2.	
	- Từ ngã ba nhà Cil The Ny đến ngã tư (hết đất hộ ông Bon Đinh Chong).	153
	- Các nhánh còn lại từ ngã tư (giáp đất hộ ông Bon Đinh Chong) đến hết đường trong thôn.	145
	- Các nhánh còn lại tính từ đường nhựa đi vào thôn B'Nơ B2.	145
15	Đất dân cư còn lại (Trừ khu vực Păng Tiêng, Đạ Nghịt và Lán Tranh).	139
	*** Khu vực III :**	
1	Khu vực còn lại của thôn Đạ Nghịt.	75
2	Khu vực còn lại của hai thôn Păng Tiêng và Lán Tranh.	65
II	**Xã Đạ Sar:**	
	*** Khu vực I:**	
1	Đường tỉnh lộ 723	
	- Đoạn từ giáp Thái Phiên, phường 12, TP Đà Lạt đến ngã ba đường 79.	441
	- Đoạn từ ngã ba đường 79 đến ngã ba Đường nhánh thôn 1 (đối diện nghĩa địa).	490
	- Từ ngã ba Đường nhánh thôn 1 (đối diện nghĩa địa) đến giáp ranh xã ĐaNhim.	320
2	Từ ngã ba ĐaSar đến cổng trường Mẫu giáo ĐaSar.	350
3	Từ cổng trường Mẫu giáo ĐaSar đến cuối thôn 6.	235
4	Đường từ Ngã ba Nhà thờ đi lên Bể nước.	230

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
5	Đường từ cổng Trường Tiểu học ĐaSar đến hết đất nhà ông Đời thôn 4.	225
6	Nhánh thôn 1: Từ lộ giới đường đi UBND xã đến hết đất nhà ông K'Rơm.	260
7	Đường đi thôn 4: Từ ngã ba nhà thờ đến 300m.	240
8	Đường nhánh thôn 1: Từ mép lộ giới đường 723 đến 300m (đường đi vào Cty thung lũng nắng).	220
9	Đường nhánh thôn 1 (đối diện nghĩa địa): Từ mép lộ giới đường 723 đến hết đường cấp phối.	150
10	Đường 79, từ mép lộ giới đường 723 đến giáp ranh giới thị trấn Lạc Dương.	250
11	Đường quy hoạch trong khu nông nghiệp CNC Ấp Lát (cả hai nhánh)	
	- Đoạn đã trải nhựa	120
	- Đoạn chưa trải nhựa	80
	*** Khu vực II:**	
1	Đất ven các trục đường liên thôn từ trục chính vào sâu đến 200m.	145
2	Đất ven trục đường liên thôn từ trên 200m.	110
	*** Khu vực III:**	
1	Đất thuộc các vị trí còn lại trên địa bàn xã.	70
III	**Xã Đạ Nhim:**	
	*** Khu vực I:**	
1	Từ giáp ranh xã ĐaSar đến (đầu sân vận động xã) đầu thôn ĐaRaHoa.	331
2	Từ sân vận động xã đến cầu đạ chais (đầu thôn ĐaRaHoa đến cuối thôn Đạ Chais) nằm trên trục đường ĐT 723.	490
3	Từ cầu Đạ Chais đến giáp ranh giới xã Đạ Chais nằm trên trục đường ĐT 723	265
	*** Khu vực II:**	
1	Đường vào khu quy hoạch trung tâm cụm xã Đạ Nhim (đường nhựa trục chính)	150
2	Đất ven các trục đường liên thôn trục chính từ mép lộ giới ĐT 723 vào sâu đến 200m (Đường nhựa).	150
3	Đất ven các trục đường liên thôn trục chính từ mép lộ giới ĐT 723 vào sâu đến 200m (Đường cấp phối).	135
4	Đất ven trục đường liên thôn trục chính từ trên 200m (Đường nhựa).	115
5	Đất ven trục đường liên thôn trục chính từ trên 200m (Đường cấp phối).	105
	*** Khu vực III:**	

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
1	Đất thuộc các vị trí còn lại trên địa bàn xã.	66
IV	**Xã Đạ Chais:**	
	*** Khu vực I** (dọc tuyến đường 723):	
1	Từ giáp ranh xã Đa Nhim đến đầu thôn Đông Mang (giáp đất nhà Kơ Să K'Huy).	221
2	Từ đầu thôn Đông Mang (đất nhà Kơ Să K'Huy) đến cầu Đông Mang.	185
3	Tứ cầu Đông Mang đến ngã ba xuống xưởng cưa ông thiên.	145
4	Từ đầu thôn Tu Pó (ngã ba xuống xưởng cưa ông thiên) đến cuối thôn Tu Pó (Cầu Tu Pó).	190
5	Từ đầu thôn Long Lanh (Cầu Tu Pó) đến cuối thôn K'long Klanh.	290
6	Từ cuối thôn Klong K'lanh, đầu Đưng K'Si đến cuối thôn Đưng K'Si.	185
7	Từ cuối thôn Đưng K'Si đến hết ranh giới hành chính.	166
	*** Khu vực II:**	
1	Đường vào UBND xã từ mép lộ giới đường 723 đến hết đường (cả hai đầu đường)	130
2	Đất các trục đường liên thôn từ mép lộ giới đường 723 vào sâu đến 200m.	120
3	Đất các trục đường liên thôn từ trên 200m.	100
	*** Khu vực III:**	
1	Đất thuộc các vị trí còn lại trên địa bàn xã.	61
V	**Xã Đưng K'Nớ:**	
	***Khu vực I:**	
1	Đất dân cư dọc hai bên đường giao thông ĐT 722 khu vực trung tâm xã (Từ trạm QLBVR đến đường vào UBND xã) .	145
	*** Khu vực II:**	
1	Đất dọc hai bên đường ĐT 722 (Từ ngã ba đường vào UBND xã đến giáp ranh giới huyện Đam Rông)	90
2	Đất dọc hai bên đường ĐT 722 (Từ giáp ranh xã Lát đến trạn QLBV rừng)	80
3	Đất dọc hai bên đường Đông Trường Sơn đoạn mới mở (Từ ngã ba đất nhà ông Lịch đến hết đường)	65
4	Đất ven các trục đường liên thôn từ trục chính vào sâu đến 200m.	110
5	Đất ven trục đường liên thôn từ trên 200m.	100
	*** Khu vực III:**	

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
1	Đất thuộc các vị trí còn lại trên địa bàn xã.	56

DiaOcOnline.vn